



## HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân cư Himlam,

Phường Tân Hưng, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498

Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 06 năm 2026

### BẢN TIN SỐ 1561

(Lưu hành nội bộ)

## ***BẢN TIN TRONG TUẦN***

(Từ ngày 16/06/2026 đến ngày 22/06/2026)

### AI THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:

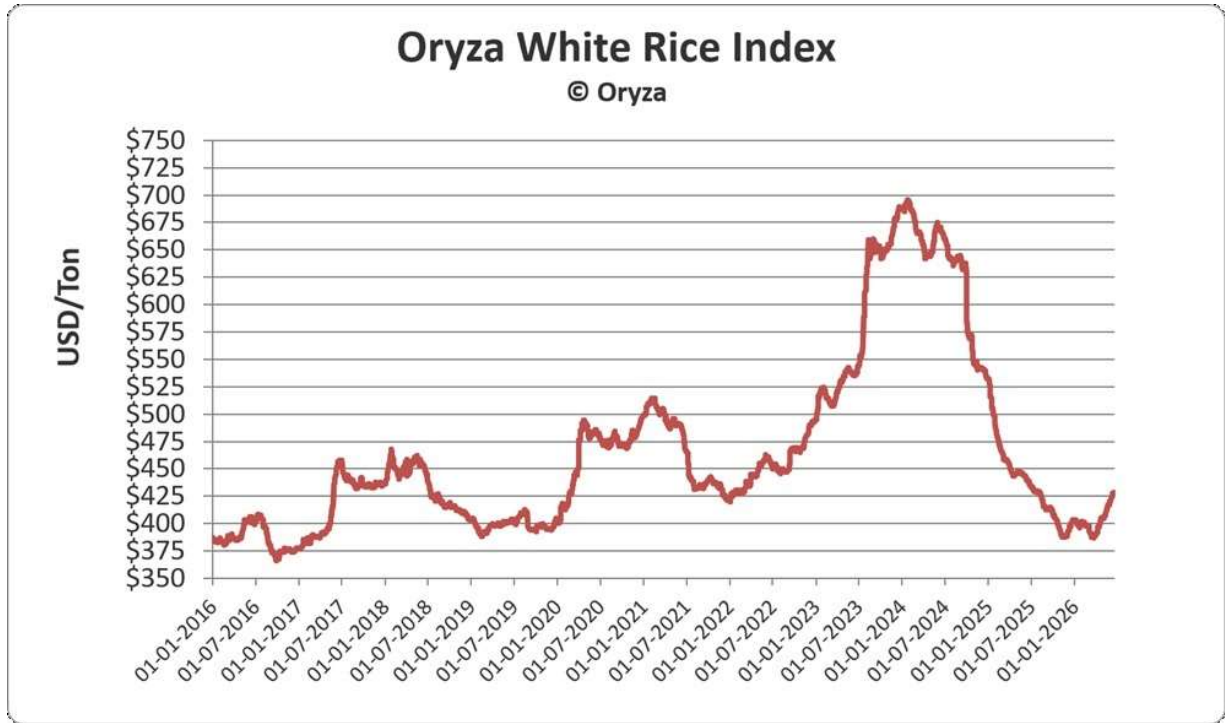
#### I. GIÁ GAO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

*Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)*

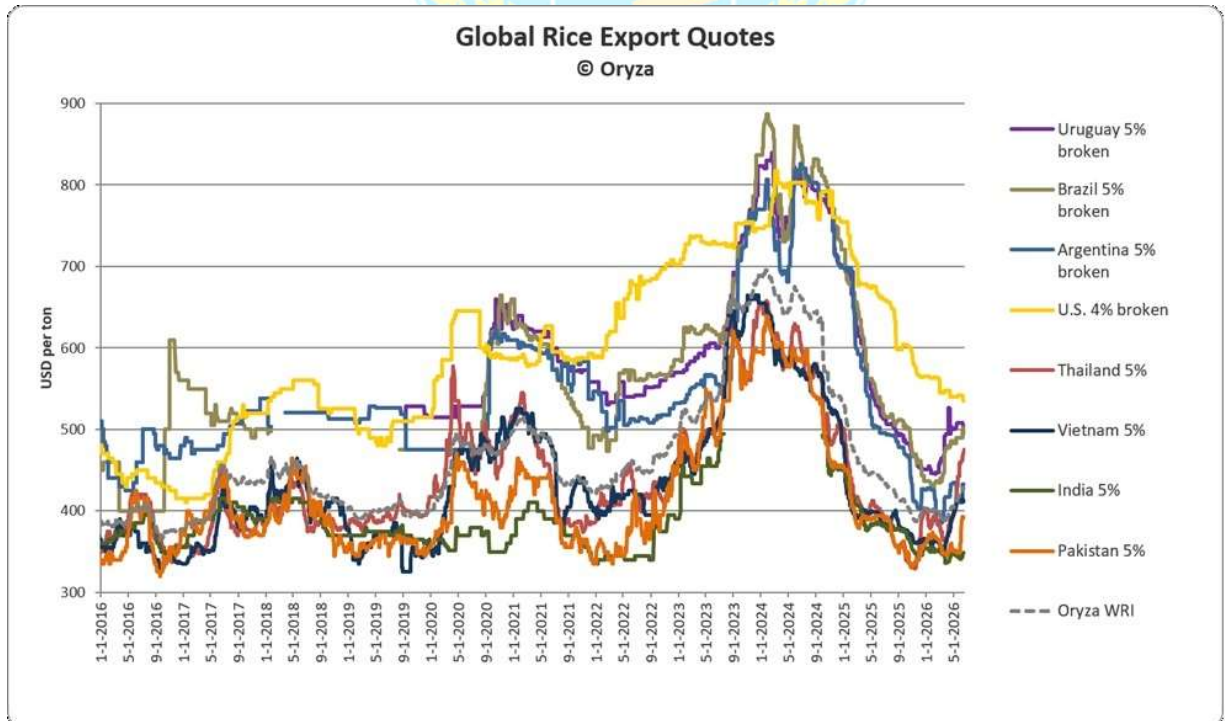
QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	16 – 06		17 – 06		18 – 06		19 – 06	
		max	min	max	min	max	min	max	min
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	480	484	481	485	480	484	481	485
	5% tấm	469	473	470	474	469	473	470	474
	25% tấm	449	453	449	453	449	453	449	453
	Hom Mali 92%	1189	1193	1189	1193	1189	1193	1189	1193
	Gạo đỏ 100% Stxd	469	473	470	474	469	473	470	474
	A1 Super	414	418	415	419	414	418	415	419
VIỆT NAM	5% tấm	410	414	410	414	410	414	410	414
	25% tấm	381	385	381	385	381	385	381	385
	Gạo thơm 5% tấm	485	490	485	490	485	490	485	490
	Jasmine	504	508	505	509	504	508	505	509
	100% tấm	343	347	343	347	343	347	343	347
ẤN ĐỘ	5% tấm	347	351	347	351	347	351	347	351
	25% tấm	334	338	334	338	334	338	334	338
	Gạo đỏ 5% Stxd	337	341	336	340	337	341	336	340
	100% tấm Stxd	280	284	280	284	280	284	280	284
PAKISTAN	5% tấm	389	393	390	394	389	393	390	394
	25% tấm	364	368	364	368	364	368	364	368
	100% tấm Stxd	323	327	322	326	323	327	322	326
MIẾN ĐIỆN	5% tấm	456	460	456	460	456	460	456	460
MỸ	4% tấm	533	537	533	537	533	537	533	537
	15% tấm (Sacked)	543	547	543	547	543	547	543	547
	Gạo đỏ 4% tấm	670	674	670	674	670	674	670	674
	Calrose 4%	885	889	885	889	885	889	885	889

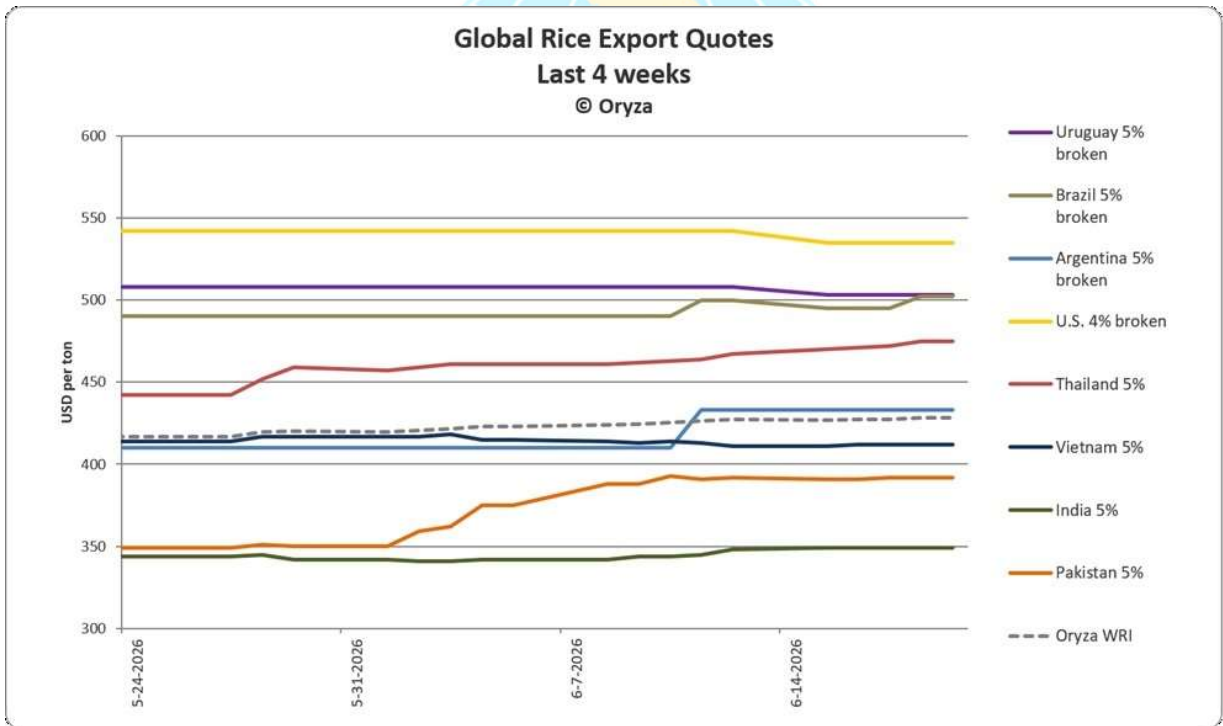
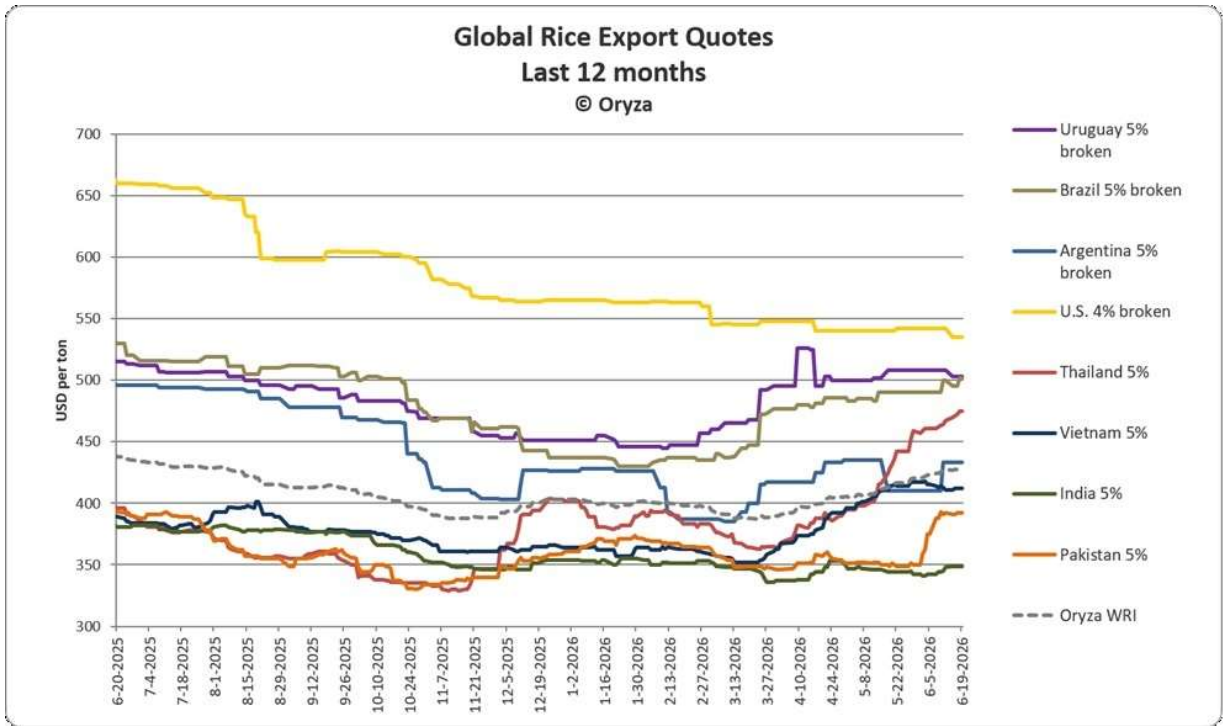
## II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

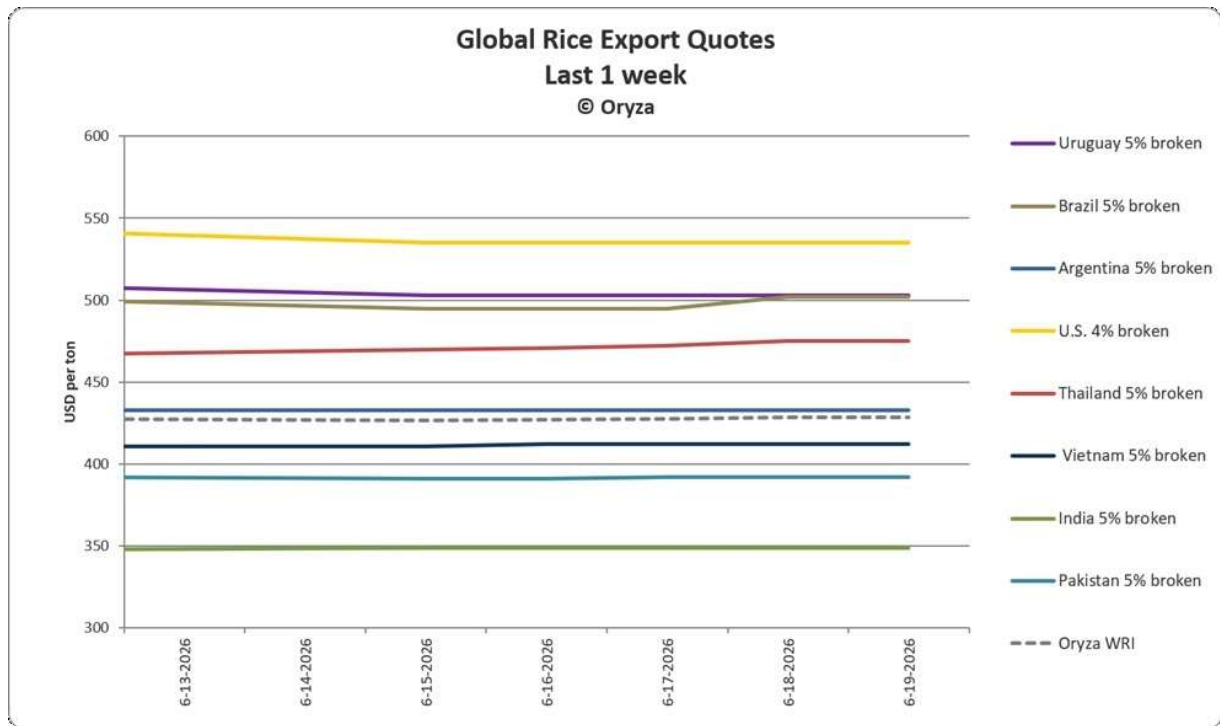
### \*Tổng quan thị trường:



Chỉ số Gạo Trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 428 USD/tấn, tăng 1 USD/tấn so với tuần trước và tăng 15 USD/tấn so với tháng trước, và giảm 10 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.







Thị trường gạo toàn cầu tăng giá trong tháng 5/2026, với Chỉ số giá gạo FAO tăng 2,7% so với tháng trước, chủ yếu do những bất ổn về thời tiết, chi phí sản xuất gia tăng và giá năng lượng, vận tải ở mức cao. Giá gạo tăng mạnh tại Thái Lan và Việt Nam do nguồn cung thắt chặt và lo ngại về tác động tiềm tàng của hiện tượng El Niño, trong khi thị trường tại Ấn Độ, Pakistan và Hoa Kỳ nhìn chung ổn định hoặc giảm nhẹ nhờ lượng tồn kho dồi dào và hoạt động giao dịch trầm lắng. Đồng thời, những gián đoạn địa chính trị tại khu vực Trung Đông và các bất ổn liên quan đến Eo biển Hormuz đã làm gia tăng chi phí năng lượng toàn cầu, qua đó tiếp tục gây áp lực lên lạm phát lương thực. Tại Philippines, giá gạo nội địa vẫn ở mức cao, buộc Chính phủ phải áp dụng các biện pháp can thiệp chính sách, trong khi các thị trường Tây Phi nhìn chung vẫn duy trì ổn định.

Triển vọng tháng 6/2026 của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) cho thấy thị trường gạo toàn cầu niên vụ 2026/27 vẫn được cung ứng tương đối dồi dào, mặc dù sản lượng có xu hướng giảm nhẹ so với mức kỷ lục trước đó. Tổng nguồn cung gạo thế giới được dự báo đạt 734 triệu tấn, bao gồm sản lượng 537,8 triệu tấn và lượng tồn kho đầu kỳ lớn. Tiêu thụ toàn cầu dự kiến đạt 541,2 triệu tấn, trong khi tồn kho cuối kỳ vẫn ở mức khá cao 192,8 triệu tấn, chủ yếu tập trung tại Ấn Độ và Trung Quốc. Thương mại gạo thế giới được dự báo đạt mức kỷ lục 63,1 triệu tấn, phản ánh nhu cầu nhập khẩu ổn định trên toàn cầu. Ấn Độ tiếp tục giữ vai trò chi phối khi đóng góp khoảng 28% sản lượng và gần 40% lượng gạo xuất khẩu toàn cầu, qua đó đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự ổn định nguồn cung thế giới.

Song song đó, chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục chịu ảnh hưởng từ các gián đoạn tại Eo biển Hormuz, nơi lưu lượng tàu thuyền đã giảm mạnh sau nhiều tháng căng thẳng địa chính trị. Mặc dù một thỏa thuận mang tính tạm thời giữa Hoa Kỳ và Iran đã làm gia tăng kỳ vọng về việc khôi phục hoạt động lưu thông qua tuyến hàng hải này, nhưng lưu lượng vận tải vẫn chưa trở lại bình thường do những bất ổn còn tồn tại, chi phí bảo hiểm cao và tình trạng ùn tắc tại các cảng biển. Một số tàu đã bắt đầu quay trở lại khu vực Vùng Vịnh, song quá trình bình thường hóa hoàn toàn được dự báo sẽ diễn ra chậm và từng bước. Những gián đoạn này đã thúc đẩy việc chuyển hướng sang các tuyến logistics thay thế qua Saudi Arabia, Oman và UAE, trong đó một số tuyến có thể trở thành một phần lâu dài của mạng lưới thương mại khu vực. Việc từng bước mở lại tuyến Hormuz cũng có thể giúp khôi phục các lô hàng ngũ cốc bị trì hoãn vào khu vực Vùng Vịnh, đặc biệt mang lại lợi ích cho các nước xuất khẩu như Brazil; tuy nhiên, tác động chủ yếu được xem là giải phóng nhu cầu bị dồn nén trước đó hơn là tạo ra tăng trưởng tiêu dùng mang tính cơ cấu mới.

Các rủi ro đối với nông nghiệp toàn cầu vẫn ở mức cao do diễn biến của hiện tượng El Niño. Các dự báo cho thấy El Niño có khả năng mạnh lên vào cuối năm 2026 và đầu năm 2027, làm gia tăng lo ngại về lượng mưa gió mùa suy giảm tại Ấn Độ cũng như nguy cơ giảm năng suất đối với các loại cây trồng chủ lực như lúa gạo và ngô. Mặc dù hệ thống tưới tiêu và các tiến bộ công nghệ có thể giúp tăng khả năng chống chịu ở một mức độ nhất định, các vùng sản xuất phụ thuộc vào nước trời vẫn rất dễ bị tổn thương. Do đó, diễn biến thời tiết được xem là yếu tố then chốt chi phối biến động giá nông sản trong thời gian tới. Đồng thời, những tiến bộ khoa học như việc phát hiện gen qEMF3, giúp cây lúa trở bông sớm hơn trong ngày để tránh tác động của nhiệt độ cao, đang mở ra các chiến lược thích ứng dài hạn nhằm bảo vệ năng suất lúa trong bối cảnh nhiệt độ toàn cầu gia tăng.

Giá gạo xuất khẩu của Việt Nam giảm trong tuần này do Philippines, thị trường nhập khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam, tạm thời ngừng nhập khẩu gạo trong tháng 6, làm giảm nhu cầu trên thị trường. Giá gạo 5% tấm của Việt Nam giảm xuống còn 405 – 415 USD/tấn, so với mức 415 – 420 USD/tấn của tuần trước. Các thương nhân dự báo Philippines sẽ nối lại hoạt động nhập khẩu từ tháng 7, tuy nhiên khối lượng có thể vẫn ở mức hạn chế. Trong khi đó, giá gạo của Ấn Độ tăng nhẹ nhờ đồng rupee mạnh lên, còn giá gạo Thái Lan tăng do nguồn cung thắt chặt và những lo ngại liên quan đến thời tiết. Diễn biến này phản ánh những xu hướng trái chiều trên thị trường gạo châu Á hiện nay, khi Việt Nam chịu áp lực từ nhu cầu suy giảm, trong khi Ấn Độ và Thái Lan được hỗ trợ bởi các yếu tố làm giá tăng.

### Indonesia

Bộ trưởng Nông nghiệp Indonesia, ông Andi Amran Sulaiman, cho biết lượng dự trữ gạo của nước này hiện đủ để đáp ứng nhu cầu trong 10 tháng tới. Tồn kho gạo hiện đạt khoảng 5,2 triệu tấn, trong khi sản lượng lúa đang trên đồng dự kiến bổ sung thêm 10–11 triệu tấn và lượng gạo tồn trữ tại hộ gia đình, khách sạn và nhà hàng ước khoảng 12,5 triệu tấn. Chính phủ Indonesia tin rằng nguồn cung này sẽ bảo đảm an ninh lương thực đến hết tháng 4/2027, ngay cả khi một đợt El Niño mạnh có thể đe dọa sản xuất nông nghiệp. Để giảm thiểu rủi ro liên quan đến khí hậu, Indonesia đang mở rộng cơ sở hạ tầng thủy lợi, tối ưu hóa việc khai thác đất đầm lầy và phát triển các vùng trồng lúa mới nhằm duy trì sản xuất và củng cố an ninh lương thực.

### Philippines

Sản lượng lúa của Philippines trong quý II năm 2026 được dự báo tăng 5,3% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu nhờ diện tích thu hoạch mở rộng lên khoảng 1,06 triệu ha so với 1,01 triệu ha của cùng kỳ năm trước. Sự gia tăng này dự kiến sẽ nâng sản lượng lên khoảng 4,69 triệu tấn, so với 4,45 triệu tấn trước đó, nhờ điều kiện gieo trồng thuận lợi và diện tích canh tác được mở rộng tại các vùng sản xuất lúa trọng điểm. Sản lượng tăng được kỳ vọng sẽ cải thiện sự ổn định nguồn cung gạo trong nước và hỗ trợ các nỗ lực của Chính phủ trong việc kiểm soát giá cả cũng như tăng cường an ninh lương thực. Tuy nhiên, các cơ quan chức năng vẫn thận trọng trước những rủi ro thời tiết có thể xảy ra, đặc biệt là tác động tiềm tàng của hiện tượng El Niño có thể ảnh hưởng đến lượng mưa và năng suất cây trồng, mặc dù triển vọng hiện tại vẫn tạo ra một vùng đệm nhất định trước các cú sốc nguồn cung và hỗ trợ mục tiêu nâng cao mức độ tự chủ về gạo của quốc gia.

Giá gạo tại Philippines đã giảm trong tháng 6/2026 nhờ điều kiện nguồn cung được cải thiện, các biện pháp can thiệp của Chính phủ và chi phí nhập khẩu thấp hơn. Tuy nhiên, giá vẫn cao hơn so với cùng kỳ năm trước, phản ánh áp lực lạm phát kéo dài và chi phí sản xuất gia tăng. Mặc dù thị trường đã ổn định hơn, những lo ngại về hiện tượng El Niño đang hình thành và tác động tiềm tàng của nó đối với sản xuất gạo trong khu vực vẫn tiếp tục hỗ trợ mặt bằng giá.

### Malaysia

Nhà nhập khẩu và phân phối gạo quốc gia BERNAS của Malaysia đang thúc đẩy nông nghiệp thông minh thông qua việc tích hợp máy bay không người lái (drone), cảm biến đồng ruộng và trí tuệ nhân tạo vào sản xuất lúa nhằm hiện đại hóa hoạt động canh tác và tăng cường an ninh lương thực quốc gia.

Drone được sử dụng để giám sát cây trồng, lập bản đồ đồng ruộng và thực hiện phun bón, thuốc bảo vệ thực vật một cách chính xác theo từng khu vực. Trong khi đó, hệ thống cảm biến thu thập dữ liệu theo thời gian thực về tình trạng đất đai và cây trồng. Các hệ thống AI phân tích những dữ liệu này để đưa ra khuyến nghị cho nông dân về tưới tiêu, sử dụng phân bón và kiểm soát sâu bệnh, qua đó nâng cao hiệu quả ra quyết định và giảm chi phí sản xuất.

Sáng kiến này đã cho thấy những kết quả tích cực như nâng cao năng suất, giảm nhu cầu lao động và hạn chế tác động môi trường do sử dụng quá mức hóa chất nông nghiệp. Nỗ lực này phù hợp với mục tiêu rộng lớn hơn của Malaysia trong việc tăng cường sản xuất lúa gạo trong nước và nâng cao mức độ tự chủ về lương thực, đồng thời phản ánh xu hướng chung tại châu Á trong việc ứng dụng nông nghiệp số nhằm giải quyết tình trạng thiếu hụt lao động, chi phí sản xuất gia tăng và những thách thức đối với sản xuất nông nghiệp do biến đổi khí hậu gây ra

### Nhật Bản

Nhật Bản đang ngày càng mở rộng việc sử dụng các giống lúa chịu nhiệt nhằm bảo vệ sản xuất lúa gạo trước tình trạng nhiệt độ gia tăng và các đợt nắng nóng cực đoan. Năm 2025, các giống lúa này chiếm 18,2% tổng diện tích trồng lúa của cả nước, mức cao kỷ lục và gần gấp ba lần so với một thập kỷ trước, tương đương khoảng 248.000 ha. Các giống lúa chịu nhiệt giúp duy trì năng suất và chất lượng hạt bằng cách giảm thiểu các tổn thất như nứt hạt, một trong những nguyên nhân góp phần gây ra tình trạng thiếu hụt gạo gần đây tại Nhật Bản. Mặc dù các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách xem đây là công cụ quan trọng để thích ứng với biến đổi khí hậu, việc mở rộng áp dụng trên diện rộng vẫn có thể phụ thuộc vào việc nâng cao nhận thức của người tiêu dùng và các hoạt động tiếp thị, do nhiều người mua vẫn chưa quen thuộc với các giống lúa này.

Giá gạo tại Nhật Bản giảm 5,4% so với cùng kỳ năm trước trong tháng 5/2026, đánh dấu lần giảm giá đầu tiên theo năm sau hơn ba năm. Trước đó, giá gạo đã tăng mạnh do mất mùa, tâm lý mua tích trữ, nhu cầu gia tăng và tình trạng thiếu hụt nguồn cung. Các biện pháp của Chính phủ, bao gồm việc xuất kho dự trữ gạo khẩn cấp, đã góp phần làm giảm giá. Tuy nhiên, giá gạo vẫn cao hơn đáng kể so với mức lịch sử, trong khi những thách thức mang tính cơ cấu như diện tích đất nông nghiệp thu hẹp và lực lượng nông dân ngày càng già hóa vẫn tiếp tục gây áp lực đối với ngành lúa gạo.

### Mỹ Latinh

**Uruguay**, giá gạo 5% tằm hiện được chào bán ở mức khoảng 503 USD/tấn, giảm khoảng 5 USD/tấn so với tuần trước và một tháng trước nhưng thấp hơn khoảng 12 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

**Brazil**, giá gạo 5% tằm của hiện ở mức khoảng 502 USD/tấn, tăng khoảng 2 USD/tấn so với tuần trước, tăng 12 USD/tấn so với một tháng trước nhưng thấp hơn khoảng 29 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

**Argentina**, giá gạo 5% tằm của hiện ở mức khoảng 433 USD/tấn, không thay đổi so với tuần trước, tăng 23 USD/tấn so với một tháng trước nhưng thấp hơn khoảng 63 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Khả năng Argentina gia nhập CPTPP có thể mở rộng đáng kể khả năng hội nhập của nước này với các thị trường toàn cầu. Tuy nhiên, các chuyên gia cho rằng động thái này không chỉ đơn thuần là cắt giảm thuế quan mà còn đòi hỏi những cam kết sâu rộng về đầu tư, sở hữu trí tuệ, dịch vụ và chuỗi giá trị toàn cầu. Theo chuyên gia kinh tế chính trị quốc tế Julieta Zelicovich, một thách thức quan trọng là sự tương thích với các nghĩa vụ hiện có của Argentina trong khối Mercosur, bởi tư cách thành viên CPTPP có thể mâu thuẫn với liên minh thuế quan khu vực này và làm thay đổi mối quan hệ hội nhập với các nước láng giềng như Brazil, Paraguay và Uruguay, từ đó làm gia tăng các căng thẳng nội bộ trong Mercosur. Mặc dù việc gia nhập CPTPP có thể cải thiện khả năng tiếp cận các thị trường phát triển và tăng nguồn thu ngoại tệ, bà Zelicovich cảnh báo rằng những hiệp định tương tự tại nhiều nền kinh tế khác thường dẫn đến sự phụ thuộc lớn hơn vào xuất khẩu hàng hóa nguyên liệu thay vì thúc đẩy đa dạng hóa công nghiệp hoặc nâng cấp công nghệ. Theo bà, đây không chỉ là vấn đề tự do hóa thương mại mà còn là lựa chọn chiến lược liên quan đến mô hình phát triển kinh tế và vị thế toàn cầu của Argentina trong dài hạn.

Hạn ngạch xuất khẩu gạo của Colombia (COL-RICE) đã phân bổ hạn ngạch thuế quan đối với 21.267 tấn gạo cho năm doanh nghiệp vào ngày 4/6/2026 sau khi toàn bộ khối lượng được đấu giá thành công. Giá trúng thầu dao động từ mức thấp nhất 42,21 USD/tấn đến mức bình quân 47,08 USD/tấn. Các doanh nghiệp trúng thầu gồm ADM Rice, Inc., Aurora Ventures, LLC, Bunge North America, Inc., California Heritage Mills, Inc. và The Sun Valley Rice Co., LLC.

### Hoa Kỳ

Giá gạo 4% tằm của Hoa Kỳ hiện được chào bán ở mức khoảng 535 USD/tấn, giảm khoảng 7 USD/tấn so với tuần trước, giảm 5 USD/tấn so với một tháng trước và thấp hơn khoảng 128 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Triển vọng gạo Hoa Kỳ niên vụ 2026/27 cho thấy tổng nguồn cung tăng nhẹ lên 275,8 triệu cwt, chủ yếu do lượng tồn kho đầu kỳ cao hơn. Tuy nhiên,

sản lượng dự kiến giảm xuống còn 175,2 triệu cwt, mức thấp nhất kể từ niên vụ 2022/23. Mức giảm mạnh nhất thuộc về gạo hạt dài, giảm 20% so với cùng kỳ năm trước, do giá thấp và chi phí đầu vào cao làm giảm diện tích gieo trồng. Tổng nhu cầu sử dụng được dự báo đạt 233 triệu cwt, trong khi cả tiêu dùng nội địa và xuất khẩu đều chịu áp lực từ sự cạnh tranh mạnh trên thị trường thế giới. Tồn kho cuối kỳ dự kiến đạt 42,8 triệu cwt, cao hơn nhẹ so với dự báo trước nhưng vẫn thấp hơn năm trước, còn giá gạo được dự báo duy trì ổn định ở mức 13,50 USD/cwt, phản ánh một thị trường tương đối cân bằng nhưng chịu nhiều áp lực cạnh tranh.

Trong tuần kết thúc ngày 18/6, USDA báo cáo doanh số bán gạo xuất khẩu ròng của Hoa Kỳ đạt 100.800 tấn cho niên vụ 2025/26, dẫn đầu là nhu cầu từ Mexico (50.300 tấn), Nhật Bản (27.700 tấn), Jordan (10.800 tấn) và Canada (6.200 tấn). Trong cùng thời gian, các doanh nghiệp xuất khẩu gạo Hoa Kỳ đã giao hàng 127.900 tấn, chủ yếu tới Mexico, Nhật Bản, Jordan, Honduras và Canada, phản ánh nhu cầu ổn định từ các thị trường nhập khẩu chủ chốt.

### Châu Phi

**Nigeria** đang ngày càng chuyển hướng nhập khẩu sang gạo đỏ của Ấn Độ do khoảng cách giá ngày càng lớn khiến loại gạo này rẻ hơn đáng kể so với gạo của Thái Lan, theo đánh giá của S&P Global.

Mặc dù gạo Thái Lan được ưa chuộng hơn nhờ chất lượng cao và hạt dài hơn, người mua Nigeria hiện ưu tiên yếu tố giá cả. Lượng tồn kho lớn của Ấn Độ cùng khả năng cung ứng xuất khẩu dồi dào đã giúp giá gạo của nước này duy trì sức cạnh tranh cao. Lợi thế về chi phí đã củng cố vị thế của Ấn Độ tại Tây Phi – thị trường tiêu thụ lớn nhất đối với gạo đỏ xuất khẩu của nước này.

Các bên tham gia thị trường dự báo gạo Ấn Độ sẽ tiếp tục chiếm ưu thế trong nhu cầu nhập khẩu của Nigeria, trừ khi khoảng cách giá giữa gạo Ấn Độ và gạo Thái Lan thu hẹp đáng kể.

### Châu Âu

EU đang thúc đẩy quá trình nâng cấp ngành gạo Việt Nam thông qua các yêu cầu khắt khe về truy xuất nguồn gốc, an toàn thực phẩm, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và sản xuất bền vững theo EVFTA. Điều này buộc doanh nghiệp Việt Nam phải đầu tư nâng cao chất lượng, chế biến và đóng gói, nhưng đồng thời mở ra cơ hội tiếp cận các phân khúc thị trường giá trị cao.

Thương mại gạo EU niên vụ 2025/26 suy giảm, với nhập khẩu đạt 1,216 triệu tấn (-0,8%) và xuất khẩu đạt 217.608 tấn (-5,3%) so với cùng kỳ năm

trước. Gạo Indica tiếp tục chiếm phần lớn lượng nhập khẩu, trong khi Anh vẫn là thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của EU.

EU đã thông qua khung pháp lý cho cây trồng chỉnh sửa gen (NGTs), mở đường cho việc thương mại hóa các giống cây có khả năng chống chịu biến đổi khí hậu, sâu bệnh và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đây được xem là bước chuyển quan trọng trong chính sách công nghệ sinh học nông nghiệp của EU.

### **III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:**

#### **Ấn Độ**

Giá gạo tám 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 349 USD/tấn, tăng 1 USD/tấn so với tuần trước, tăng 5 USD/tấn so với tháng trước tuy nhiên giảm 33 USD/tấn so với cùng kỳ.

Thị trường gạo nước này vẫn duy trì ổn định nhờ nguồn dự trữ dồi dào, tuy nhiên việc gián đoạn thương mại, diễn biến thời tiết bất lợi và tình trạng dư thừa sản lượng tại một số khu vực vẫn là những yếu tố gây áp lực lên triển vọng thị trường trong thời gian tới. Diễn biến của mùa mưa trong tháng 7 và tháng 8 sẽ là yếu tố quan trọng đối với nguồn cung gạo của nước này trong những tháng tiếp theo.

Nhu cầu nhập khẩu gạo từ Nigeria đang có xu hướng tăng gia tăng đang hỗ trợ giá xuất khẩu gạo. Hoạt động mua hàng được thúc đẩy sau khi Benin siết nhập khẩu và Nigeria giảm thuế nhập khẩu gạo, tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu gạo của nước này.

Xuất khẩu gạo basmati trong tháng 3–4/2026 giảm 24% so với cùng kỳ năm trước, xuống còn 838,34 triệu USD, chủ yếu do xung đột tại Tây Á làm gián đoạn các tuyến vận tải quan trọng như Eo biển Hormuz, kéo theo chi phí vận chuyển và bảo hiểm tăng cao. Xuất khẩu sang các thị trường vùng Vịnh như Iraq, Bahrain, Iran và Qatar giảm mạnh từ 50–90%.

Để giảm phụ thuộc vào khu vực Vùng Vịnh, các doanh nghiệp xuất khẩu đang đẩy mạnh tiếp cận các thị trường mới tại châu Âu và châu Á như Anh, Ý, Hà Lan, Oman, Jordan và Trung Quốc. Trong đó, Jordan nổi lên như một trung tâm trung chuyển quan trọng và trở thành thị trường nhập khẩu gạo basmati lớn thứ hai của nước này trong tháng 4/2026.

Theo số liệu sơ bộ từ Tổng Công ty Lương thực Ấn Độ (FCI), tính đến ngày 01/6/2026, tồn kho gạo đạt khoảng 68,33 triệu tấn (đã bao gồm 42,84 triệu tấn lúa quy gạo), tăng 14,5% so với cùng kỳ năm 2025.

Tồn kho gạo đạt mức cao sẽ tạo điều kiện để nước này đẩy mạnh xuất khẩu, dù vẫn tồn tại lo ngại về tác động của hiện tượng El Niño, có thể khiến lượng mưa thấp hơn bình thường và ảnh hưởng đến sản lượng lúa.

### Thái Lan

Giá gạo tằm 5% tằm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 475 USD/tấn, tăng 8 USD/tấn so với tuần trước, tăng 47 USD/tấn so với tháng trước và tăng 78 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Giá gạo tiếp tục ổn định ở mức cao sau khi Eo biển Hormuz mở lại khi các thương nhân nhờ kỳ vọng nhu cầu từ các thị trường Trung Đông, đặc biệt là Iraq sẽ phục hồi khi hoạt động vận tải biển thuận lợi hơn. Nguồn cung gạo vẫn còn hạn chế trước vụ thu hoạch mới và nhu cầu ổn định từ các thị trường châu Á đã góp phần hỗ trợ giá xuất khẩu. Tuy nhiên, giá gạo ở mức cao vẫn khiến các nhà nhập khẩu tiếp tục thận trọng trong hoạt động mua hàng, ưu tiên gạo Ấn Độ nhờ mức giá cạnh tranh hơn.

### Pakistan

Giá gạo tằm 5% tằm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 392 USD/tấn, ít biến động với tuần trước, tăng 43 USD/tấn so với tháng trước và giảm 2 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Giá gạo tuần qua đang có xu hướng tăng do hoạt động thu mua trong nước gia tăng sau kỳ nghỉ lễ và nhu cầu nhập khẩu từ Philippines tăng lên. Các nhà xuất khẩu đã ký thêm đơn hàng mới với Philippines trong bối cảnh nguồn cung trong nước vẫn hạn chế khi vụ thu hoạch đang bước vào giai đoạn cuối. Các doanh nghiệp xuất khẩu cho biết tình trạng thiếu container đang gây khó khăn cho hoạt động giao hàng. Mặc dù lượng hàng tồn kho hiện vẫn đủ để đáp ứng các hợp đồng hiện tại, việc khan hiếm container có thể làm chậm tiến độ giao hàng trong tháng 7 nếu tình hình không sớm được cải thiện.

Thị trường gạo trắng 25% tằm và gạo tằm 100% tuần qua khá trầm lắng, chưa ghi nhận nhiều giao dịch.

Chương trình hoàn thuế xuất khẩu dành cho các doanh nghiệp xuất khẩu gạo basmati của nước này dự kiến sẽ tiếp tục được gia hạn sau tháng 6/2026. Do đó, các nhà xuất khẩu có thể chào bán với mức giá cạnh tranh hơn và gia tăng thị phần xuất khẩu, dù quy mô ngành gạo basmati của nước này vẫn nhỏ hơn so với Ấn Độ. Mặc dù Ấn Độ vẫn giữ vị thế là nước xuất khẩu gạo basmati lớn nhất thế giới, Pakistan đang từng bước mở rộng thị phần tại các thị trường Tây Á và Trung Á nhờ các chính sách hỗ trợ của Chính phủ và thủ tục xuất khẩu thuận lợi hơn.

Theo số liệu sơ bộ từ Cục Thống kê Pakistan (PBS), lượng gạo xuất khẩu trong tháng 05/2026 đạt khoảng 350 ngàn tấn, tăng nhẹ so với tháng trước, tuy

nhiên so với với cùng kỳ năm 2025 giảm 23,78%. Lũy kế xuất khẩu gạo 5 tháng đầu năm 2026 đạt khoảng 2,106 triệu tấn, giảm hơn 14,47% so với cùng kỳ năm ngoái.

### **Miến Điện**

Thị trường gạo trong tuần qua tiếp tục trầm lắng do nhu cầu nhập khẩu suy yếu và người mua chuyển hướng sang các nguồn cung cạnh tranh hơn. Một số nhà xuất khẩu đã điều chỉnh giá giảm nhằm cải thiện sức cạnh tranh và thu hút người mua.

### **Campuchia**

Nước này đang tiến gần mục tiêu xuất khẩu 1 triệu tấn gạo xay xát vào cuối năm 2026 nhờ nhu cầu quốc tế tăng cao, mở rộng thị trường xuất khẩu và các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ.

Xuất khẩu gạo 5 tháng đầu năm 2026 tăng 65% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này đạt được nhờ chiến lược vừa củng cố các thị trường truyền thống vừa mở rộng sang các thị trường mới, cùng với các chương trình hỗ trợ tài chính giúp doanh nghiệp thu mua lúa trực tiếp từ nông dân trong giai đoạn cao điểm thu hoạch.

Các khoản đầu tư vào công nghệ xay xát hiện đại, hệ thống truy xuất nguồn gốc, cơ sở hạ tầng và hoạt động xúc tiến thương mại đang góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm tổn thất sau thu hoạch. Với kế hoạch mở rộng xuất khẩu sang các thị trường châu Phi và Trung Đông trong khi vẫn duy trì các thị trường truyền thống, nước này đang củng cố vị thế để hiện thực hóa mục tiêu xuất khẩu 1 triệu tấn gạo vào cuối năm 2026.

## **IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:**

<b>Ngoại tệ</b>	<b>16 - 06</b>	<b>17 - 06</b>	<b>18 - 06</b>	<b>19 - 06</b>	<b>22 - 06</b>
Trung Quốc (CNY/USD)	6,76	6,76	6,76	6,76	6,77
Châu Âu (EUR/USD)	0,86	0,86	0,86	0,87	0,87
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	17.706,79	17.727,89	17.767,58	17.826,24	17.817,23
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4,05	4,07	4,07	4,12	4,14
Philippines Peso (PHP/USD)	60,33	60,28	60,40	60,55	60,72
Hàn Quốc (KRW/USD)	1.514,99	1.508,51	1.514,31	1.540,50	1.529,47
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	160,20	160,38	160,22	161,26	161,28
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	94,63	94,53	94,35	94,26	94,47
Miến Điện (MMK/USD)	2.099,40	2.099,45	2.099,95	2.099,52	2.099,92

Pakistan Rupees (PKR/USD)	278,24	278,32	278,26	278,28	278,12
Thái Lan Baht (THB/USD)	32,54	32,50	32,54	32,80	32,85
Việt Nam Đồng (VND/USD)	26.290,83	26.310,27	26.323,67	26.299,68	26.330,80

## B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

### I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

#### **\* Tiến độ sản xuất:**

Tính đến ngày 22/06/2026, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

Vụ Hè Thu 2026 xuống giống sớm với diện tích 1,023 triệu ha/1,243 triệu ha đạt chiếm tỷ lệ 82% diện tích kế hoạch, đã thu hoạch được khoảng 228 ngàn tấn với năng suất khoảng 67,49 tạ/ha, sản lượng ước đạt 1,539 triệu tấn lúa.

### II. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU:

Theo số liệu tổng hợp, lượng xuất khẩu từ ngày 01/06 đến 15/06/2026 đạt **401.718 tấn**, trị giá **196,345 triệu USD**. Lũy kế xuất khẩu đến ngày 15/06/2026 đạt **4,670 triệu tấn**, trị giá **2,203 tỷ USD**, so với cùng kỳ 2025 giảm 1,68% về số lượng và giảm 10,39% về trị giá. Giá bình quân đạt 471,7 USD/tấn so với cùng kỳ giảm 8,87% so với cùng kỳ năm 2025.

### III. BẢNG TÀU ĐANG XÉP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/06 – 22/06/2026 có 34 tàu vào các cảng Hồ Chí Minh và Mỹ Tho xếp hàng với số lượng dự kiến 227.330 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Tràng An 05	HCM	02/05/2026	12.500	Philippines
2	Đại Tây Dương 25	HCM	21/05/2026	4.950	Philippines
3	Hải Thuận 06	HCM	25/05/2026	5.000	Philippines
4	Quang Minh 5	HCM	25/05/2026	4.500	Malaysia
5	Angele N	HCM	26/05/2026	50.000	Châu phi
6	Phương Nam 1	HCM	26/05/2026	6.000	Philippines
7	Tân An 01	HCM	28/05/2026	5.080	Philippines
8	AP Queen	HCM	29/05/2026	10.000	Philippines
9	VS Glory	HCM	29/05/2026	4.000	Philippines
10	Royal 16	HCM	30/05/2026	5.000	Philippines
11	Star 55	HCM	31/05/2026	6.850	Philippines

**Bản tin 1561 (Từ Ngày 16/06/2026 Đến Ngày 22/06/2026)**

12	An Thịnh Phú 08	HCM	01/06/2026	6.350	Philippines
13	Adira 16	HCM	02/06/2026	2.800	Malaysia
14	Mekong	HCM	02/06/2026	4.100	Philippines
15	PHC Honesty	HCM	02/06/2026	15.400	Philippines
16	Tân An Bonanaza	HCM	02/06/2026	6.830	Philippines
17	Bình Nguyên Star	HCM	04/06/2026	6.700	Philippines
18	Tân An Honesty	Mỹ Thới	05/06/2026	3.600	Philippines
19	Ta Star 03	HCM	07/06/2026	10.500	Philippines
20	MD Sky	HCM	08/06/2026	12.500	Philippines
21	Phúc Thuận 69	Mỹ Thới	08/06/2026	4.900	Philippines
22	Vinh Quang Dynamic	HCM	08/06/2026	4.800	Philippines
23	Bother 66	HCM	10/06/2026	5.000	Philippines
24	Viễn Đông 09	HCM	11/06/2026	6.000	Philippines
25	Hòa Bình 79	HCM	12/06/2026	7.200	Philippines
26	Hồng Lĩnh 01	HCM	12/06/2026	12.500	Philippines
27	Tân An Endeavor	HCM	12/06/2026	4.850	Philippines
28	Hương Anh 59	HCM	13/06/2026	2.800	Malaysia
29	Quang Minh 18	Mỹ Thới	13/06/2026	3.700	Philippines
30	Vinh Quang Star	HCM	13/06/2026	6.850	Philippines
31	Hoàng Triều 68	HCM	14/06/2026	6.500	Philippines
32	Quang Minh 6	HCM	14/06/2026	4.500	Philippines
33	Mr. Pepper	HCM	16/06/2026	6.700	Philippines
34	Phúc Thuận 89	HCM	16/06/2026	4.000	Philippines
35	Tân An Advance	HCM	16/06/2026	6.500	Philippines
36	Vinacomin Hạ Long	HCM	16/06/2026	6.900	Philippines
37	Hoàng Phương Lucky	HCM	18/06/2026	4.900	Philippines
38	Vinh Quang Star	HCM	18/06/2026	6.850	Philippines
39	Kiến Hưng	HCM	19/06/2026	3.400	Philippines
40	Phúc Thuận 289	HCM	19/06/2026	6.500	Philippines
41	Hồng Lĩnh 01	HCM	20/06/2026	12.500	Philippines
42	MD Sea	HCM	20/06/2026	12.500	Philippines
43	Tân An Dynamic	HCM	20/06/2026	6.800	Philippines
44	Lucky Star 6	HCM	21/06/2026	7.300	Philippines
45	New Xa La	HCM	21/06/2026	4.100	Philippines
<b>Tổng</b>				<b>341.210</b>	

#### IV. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	18/06	+/-	18/06	+/-	18/06	+/-	18/06	+/-	18/06	+/-	18/06	+/-	18/06	+/-		
<b>Lúa Tươi Tại Ruộng</b>																
Hạt dài	6.050	-	5.850	-	5.850	-	5.850	-	6.200	-50	6.250	-	6.250	-	6.250	6.043
Lúa thường	5.650	-	5.650	-	5.550	-	5.650	-100	5.825	-25	5.850	-	5.850	+100	5.850	5.718
<b>Lúa Khô/Ướt Tại Kho</b>																
Hạt dài	7.450	-	7.150	-200	7.200	-	7.450	-	8.200	-			8.250	+200	8.250	7.617
Lúa thường	7.250	-	6.950	-100	6.650	-	7.150	-	8.200	-			7.750	-	8.200	7.325
<b>Gạo Nguyên Liệu</b>																
Lứt loại 1	8.750	-	9.850	+200	9.550	-150	9.650	-	9.750	-375			10.150	-	10.150	9.617
Lứt loại 2	8.650	-	8.550	-100	8.500	-200	8.650	-100	8.800	+100	8.800	+50	8.650	-100	8.800	8.657
Xát trắng loại 1			11.550	+100			11.050	-	10.950	-	11.550	+100	11.550	+100	11.550	11.330
Xát trắng loại 2			10.150	-100			10.250	-	10.150	-100	10.250	-	10.250	-	10.250	10.210
<b>Phụ Phẩm</b>																
Tấm 1/2	7.650	-100	7.900	-	7.800	+100	7.800	+50	7.950	+225	7.950	+50	7.650	-	7.950	7.814
Tấm 2/3			7.800	-	7.800	+100			7.750	+100			7.450	-	7.800	7.700
Tấm 3/4	7.450	-100	7.700	-	7.725	+75							7.450		7.725	7.581
Cám xát	7.550	-100	7.750	-	7.725	-	7.550	-	7.975	+175	7.975	+175	7.350	-	7.975	7.696
Cám lau	7.550	-100	7.650	-	7.725	+50	7.550	-	7.975	+175	7.975	+175	7.450	-	7.975	7.696
<b>Gạo TPXK Không Bao Tại Man</b>																
5%	10.400	-100	10.500	-50	10.200	-200	10.500	-	10.900	-	10.900	-	10.350	-	10.900	10.536
10%			10.400	-50					10.700	-			10.250		10.700	10.450
15%	10.200	-100	10.200	-50	10.000	-200	10.300	-	10.500	-	10.500	-	10.050	-200	10.500	10.250
20%									10.200	-					10.200	10.200
25%	10.000	-100	9.700	-50	9.800	-200	10.100	-	9.900	-	10.100	-	9.750	-	10.100	9.907

\*\*\*